

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HS-ST.

Ngày: 15/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hộ và ông Trương Duy Cảnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Lý Trọng Nguyên - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên
tòa:*** Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân
thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2017/
HSST ngày 28 tháng 7 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Lê Đình L (tên gọi khác: Cu Ly) sinh năm 1984, tại Hà Tĩnh; Nơi đăng
ký HKTT: 103 đường T, tổ 3 phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở hiện
nay: 232 Tr, tổ 3 phường T, thành phố K; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn
12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Văn B, sinh năm 1942 và bà Trần Thị S, sinh
năm 1951; Có vợ Hoàng Thị Tố N, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2008;

Tiền án: Ngày 15/5/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh
Kon Tum xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết
“Tái phạm”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản
án này, ra tù ngày 21/6/2014, tính đến ngày phạm tội 14/01/2017 thì bị cáo ra tù
chưa được 03 năm.

Tiền sự: Ngày 15/6/2017 bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái
phép pháo hoa. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày **18/01/2017** đến nay, có mặt.

2. Hà Dương Nam T (tên gọi khác: Tèo) sinh ngày 21/4/1998, tại Kon
Tum; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: A2/8 đường L, tổ 3 phường T, thành
phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc:
Kinh; Con ông Hà Trầm M, sinh năm 1971 và bà Dương Thị Ngọc C, sinh năm
1976; chưa có vợ;

Tiền án: 1/ Ngày 23/6/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh
Kon Tum xử phạt 6 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 06 tháng tù về

tội “ Cố ý gây thương tích”, tổng hợp 12 tháng tù; 2/ Ngày 27/10/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 6 tháng tù về tội “ Cố ý gây thương tích”, tổng hợp với 12 tháng tù của hai tội trên, bằng 18 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2016 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Tiền sự: Tháng 11/2016 bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày **17/01/2017** đến nay, có mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị **Hoàng Thị Tổ N**, sinh năm 1987, trú tại: 232 T, tổ 3 phường T, Tp. K, tỉnh Kon Tum, có mặt;

2/ Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1971, trú tại: 61/5 T, phường Q, Tp. K, tỉnh Kon Tum, có mặt;

3/ Chị **Văn Thị Nguyệt Ng**, sinh năm 1992, trú tại: xã N, huyện Đ, tỉnh K, vắng mặt;

4/ Chị **Đỗ Thị Bích T**, sinh năm 1987, trú tại: 08 H, phường T, Tp. K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt;

5/ Chị **Đỗ Thị Bích N**, sinh năm 1994, trú tại: Thôn 1, xã Đ, Tp. Kon Tum, tỉnh K, vắng mặt;

6/ Anh **Nguyễn Việt D**, sinh năm 1976, trú tại: Tổ 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, vắng mặt;

7/ Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992, trú tại: 61/5 T, phường Q, Tp. K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt;

NHẬN THẤY:

Hai bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 22 giờ ngày **14/01/2017** bị cáo Lê Đình L đang ở nhà tại 232 T, tổ 3 phường T, Tp. K thì có Nh, H, H1, Th (đều không rõ họ tên, lý lịch) đến chơi. L biết Th có ma túy nên hỏi mua, Th đồng ý bán cho L một lượng ma túy đá trị giá 3.000.000đồng (bỏ ma túy lên cân tiểu ly hiện số 25), sau đó L lấy ra một ít để sử dụng cùng bốn đối tượng trên, số còn lại L cất giữ trong nhà để sử dụng.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày **15/01/2017** bị cáo Hà Dương Nam T điện thoại cho bị cáo L và nói “anh có nhà không em đến trả tiền và xin ít đồ” (xin ma túy đá về sử dụng), lúc này L không có ở nhà nên hẹn T 15 phút sau quay lại. Khoảng 25 phút sau bị cáo T rủ Văn Thị Nguyệt Ng đi xe taxi đến nhà L, trên đường đi T nói với Ng “đến trả nợ cho L và xin ít ma túy đá về sử dụng”. Khi đến nhà L thì Ng ngồi đợi ngoài xe, còn T đi vào phòng khách đưa cho L 4.500.000đồng và một cạc điện thoại trị giá 500.000đồng L nhờ mua, khi đưa tiền cho L, T nói “em đưa tiền cho anh và xin ít đồ” (xin ma túy về sử dụng), L nhận tiền xong và bảo T xuống nhà bếp ngồi đợi, rồi L vào trong phòng buồng cầm ra một cân tiểu L và một gói ma túy đá, khi xuống bếp L lấy một lượng ma túy giữ lại, số ma túy còn

lại (đặt lên cân tiểu ly hiện số 16) L đưa cho T. T cầm gói ma túy ra xe ta xi, trên đường đi về T cho N xem gói ma túy T vừa xin của L.

Khoảng 16h30 phút ngày 17/01/2017 đối tượng tên N (không rõ họ tên, lý lịch) đến nhà T địa chỉ: A2/8 đường L, tổ 3 phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum để mua ma túy, N đưa trước cho T 500.000 đồng và hẹn quay lại lấy ma túy sau. Sau khi N đi thì T lấy gói ma túy đã xin của bị cáo L phân (chia) thêm 01 gói nhỏ để bán cho N, do N chưa đến lấy nên T cất giấu 02 gói ma túy dưới gối ở đầu giường. Sau đó T gọi điện rủ Đỗ Thị Bích T, Nguyễn Văn L, Hồ Thị Thảo N đến sử dụng ma túy cùng T và Ng. Trong khi đang sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và lập biên bản niêm phong, thu giữ 02 gói chất tinh thể rắn màu trắng bọc trong bì ni lông dán kín, cất giấu dưới gối ở đầu giường phòng ngủ của bị cáo T và thu giữ một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, cùng một số tài sản khác, lúc này khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày. T khai nhận 02 gói chất tinh thể rắn màu trắng bọc trong bì ni lông bị thu giữ trên là ma túy đá, có nguồn gốc T xin của bị cáo L vào ngày 15/01/2017.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày 17/01/2017 lực lượng Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo L tại số 232 T, tổ 3, phường T, Tp. K, phát hiện lập biên bản niêm phong, thu giữ gồm:

- 01 gói chất bột màu trắng đựng trong bì ni lông nghi là ma túy Heroin cất giấu dưới lapo (chậu rửa mặt) trong phòng bếp;

- 01 gói tinh thể rắn màu trắng bọc trong gói ni lông dán kín, nghi là ma túy tổng hợp ở dưới sàn xe ô tô BKS82A-034.78, xe này L mượn của anh Nguyễn Viết D (anh rể của L);

- 01 khẩu súng bằng kim loại, hộp số tiếp đạn ổ xoay, màu xám trắng, không số, không ký hiệu; 04 viên đạn và 01 vỏ đạn bằng kim loại;

- Và một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy của Ly, một số tài sản khác của Ly và người liên quan.

Kết luận giám định số: 12/KLGD ngày 19/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận: 02 gói chất tinh thể màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín, niêm phong (Thu giữ tại nhà bị cáo T) gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng **1,554 gam** được quy định trong Danh mục II, STT 67, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính phủ.

Kết luận giám định số: 13/KLGD ngày 19/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- + 01 gói chất tinh thể màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín, niêm phong (Thu giữ ở sàn xe ô tô của bị cáo L) gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng **0,316 gam** được quy định trong Danh mục II, STT 67, Nghị định số: 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính phủ;

- + 01 gói chất bột màu trắng đựng trong bì ni lông, niêm phong (Thu giữ trong la po nhà bếp của bị cáo L) gửi giám định là chất ma túy Heroin có trọng lượng **7,313 gam** được quy định trong Danh mục I, STT 20, Nghị định số: 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính phủ;

Kết luận giám định số: 91/C54C-Đ3 ngày 21/02/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng, kết luận:

+ Khẩu súng gửi giám định là súng ngắn tự chế, kiểu súng ổ xoay, có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng (thuộc vũ khí quân dụng), không xác định được nguồn gốc, xuất xứ;

+ 04 viên đạn (sau giám định còn 02 viên) và một vỏ đạn gửi giám định là viên đạn và vỏ đạn của loại đạn thể thao 5,6 x 15,6mm, không phải vũ khí quân dụng, không xác định được nguồn gốc, xuất xứ;

Bản cáo trạng số 54/KSĐT- MT ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Lê Đình L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt: BLHS) và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 230 của BLHS; truy tố bị cáo Hà Dương Nam T về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T; rút quyết định truy tố bị cáo L theo khoản 2 Điều 194 và khoản 2 Điều 230 của BLHS; truy tố bị cáo L theo khoản 1 Điều 194 và khoản 1 Điều 230 của BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 của BLHS-1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 70; điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS 2015 và Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đình L: Từ 30 đến 36 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Từ 24 đến 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo;

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS-1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 và Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Dương Nam T từ 36 đến 40 tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Hai bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở khẳng định:

[1] Khoảng 22 giờ ngày 14/01/2017 tại số nhà 232 đường T, tổ 3 phường T, Tp. K, tỉnh Kon Tum bị cáo Lê Đình L đã mua một lượng ma túy đá trị giá 3.000.000đồng của một đối tượng tên Th (không rõ nhân thân lý lịch) mục đích để sử dụng cho cá nhân. Khoảng 19 giờ ngày 15/01/ 2017 bị cáo Hà Dương Nam T đến nhà bị cáo L xin ma túy về sử dụng, bị cáo L đồng ý và lấy một lượng ma túy đã mua ở trên (bỏ lên cân tiểu ly hiện số 16) để cho bị cáo T, lượng ma túy còn lại bị cáo cất giấu để sử dụng. Khi cho bị cáo T ma túy, bị cáo L chỉ biết T xin về để sử dụng, nhưng sau đó T lại dùng ma túy đó bán cho người khác thì bị cáo L không biết. Xét, hành vi của bị cáo L đã cố ý mua chất ma túy về cất giấu trong nhà để sử dụng và sau đó cho lại bị cáo T mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và khi thực hiện hành vi, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và số lượng ma túy bị cáo cất giấu là Methamphetamine có trọng lượng **1,554 gam** là đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS;

Ngoài hành vi tàng trữ ma túy trên, thì bị cáo L còn có hành vi cất giấu trái phép 01 khẩu súng bằng kim loại có hộp số tiếp đạn ổ xoay, là loại súng ngắn tự chế, có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng (thuộc vũ khí quân dụng) mà không được phép của cơ quan Nhà nước, do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của BLHS.

Trước khi thực hiện hai hành vi trên, bị cáo đã bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 30 tháng tù và các quyết định khác của bản án vào ngày 21/6/2014, tính đến ngày phạm tội (14/01/2017) đã được trên 02 năm. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của BLHS 2015, bị cáo được đương nhiên xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, do đó tại phiên tòa Viện kiểm sát rút quyết định truy tố bị cáo L theo khoản 2 Điều 194 và khoản 2 Điều 230 của BLHS-1999; truy tố bị cáo L theo khoản 1 Điều 194 và khoản 1 Điều 230 của BLHS-1999 là có căn cứ.

[2] Đối với bị cáo T, sau khi nhận được ma túy từ bị cáo L, thì đến khoảng 16h30 phút ngày 17/01/2017 đối tượng tên N (không rõ nhân thân lý lịch) điện thoại cho bị cáo T hỏi mua ma túy, T đồng ý bán ma túy cho N, N đến nhà T địa chỉ: A2/8 đường L, tổ 3 phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum đưa trước cho T 500.000 đồng tiền mua ma túy và hẹn quay lại lấy ma túy sau. Sau khi N đi thì T lấy gói ma túy đã xin của bị cáo L phân (chia) thành 02 gói, trong đó gói nhỏ để bán cho N, tuy nhiên chưa kịp đưa cho N thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và lập biên bản thu giữ 02 gói ma túy có trọng lượng **1,554 gam** là Methamphetamine (số ma túy còn lại sau giám định: **1,495gam**).

Xét hành vi của bị cáo T xin ma túy về cất giấu để sử dụng và bán ma túy cho người khác mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và khi thực hiện hành vi bị cáo đã đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, trọng lượng ma túy bị cáo cất giấu và bán trái phép là **1,554 gam** Methamphetamine là đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS.

Từ nhận định và căn cứ vào quy định của pháp luật nêu trên, HĐXX có cơ sở khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo là có căn cứ đúng luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo, HĐXX xét thấy: Hành vi “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” của hai bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, và hành vi của bị cáo L “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý đối với vũ khí quân dụng. Hai bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đã có nhiều tiền án, tiền sự, đều đã được đi cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học, mà tiếp tục con đường phạm tội, thể hiện sự coi thường, bất chấp pháp luật. Bị cáo L có một lần bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo T mới chấp hành xong hình phạt 18 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” vào ngày 30/6/2016, tính đến ngày phạm tội thì chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy phải xử phạt hai bị cáo mức án thật nghiêm minh, cách ly hai bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng nguyên tắc có lợi cho hai bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 và Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS. Bị cáo L có cha đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015.

Về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội: Xét thấy, mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS 1999 (từ 2 - 7 năm) là cao hơn mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 249 của BLHS 2015 (từ 1 - 5) năm. Do đó theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo (*do quy định mới của pháp luật theo hướng có lợi cho bị cáo*), HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 249 của BLHS 2015 để xem xét quyết định hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của hai bị cáo.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 và khoản 5 Điều 230 của BLHS thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, ...*”. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì cả hai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, hiện đang ở nhà thuê, mượn. Do đó HĐXX xét thấy, hai bị cáo không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với hai bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Số lượng ma túy (sau khi đã trừ mẫu giám định): 1,495 gam + 0,300gam Methamphetamine và 7,256 gam He roin; Các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy: 03 kéo bằng kim loại, 07 que gạt, 01 cân tiểu ly màu trắng, 07 vỏ thủy tinh (trong đó 03 vỏ chưa sử dụng), 05 ống thủy tinh, 01 nắp nhựa màu xanh, 03 ống nhựa, 03 chai nhựa, 02 dao tự chế; 01 khẩu súng tự chế, bằng kim loại, hộp số tiếp đạn ổ xoay, súng không số, không nguồn gốc xuất xứ, 02 viên đạn và 01 vỏ đạn bằng kim loại.

Tất cả các vật chứng trên đều do Công an thu giữ của hai bị cáo. Xét thấy, tất cả các vật chứng này đều là công cụ phạm tội, vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng, nên căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động Q-MOBILE màu trắng là tài sản của bị cáo T, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội và số tiền 500.000đồng mà bị cáo T có được do bán ma túy, là tiền do phạm tội mà có. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Số tiền 1.000.000đồng (tiềnVNĐ) và 02 điện thoại di động (01SAM SUNG màu đen và 01 NOKIA màu xanh đen) là tài sản của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu:

+ Xe mô tô BKS 82K6-8247 cho chị Đỗ Thị Bích N;

+ Xe mô tô BKS 82B1-12375 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H;

+ Xe ô tô BKS 82A-034.78 cho anh Nguyễn Viết D;

+ 01 điện thoại di động NOKIA màu đen cho anh Nguyễn Văn L;

+ 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng chị Đỗ Thị Bích T;

+ Trả cho chị Hoàng Thị Tố N: Số tiền 18.620.000đồng, 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng và 01 LAPTOP (máy tính xách tay). Việc Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho các chủ sở hữu như trên là đúng quy định pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí*: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Đối với số lượng ma túy: **7,313 gam** (sau giám định còn 7,256 gam) là He roin thu giữ trong lạpo nhà bếp của L và **3,16gam** (sau giám định còn 0,300gam) là Methamphetamine thu giữ trên sàn xe ô tô BKS 82A-034.78 của Ly (Ly mượn xe ô tô của anh rể Nguyễn Viết D). Bị cáo L không thừa nhận số ma túy này là của mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được đối tượng cất giấu.

- Anh Nguyễn Viết D cho bị cáo L mượn xe ô tô BKS 82A-034.78, nhưng anh D không biết ai đã bỏ ma túy vào xe và cũng không biết việc bị cáo cất giấu trái phép khẩu súng tự chế trong xe, nên anh không có lỗi trong việc cho bị cáo mượn xe.

- Bị cáo L tàng trữ trái phép 05 hộp pháo hoa, trong mỗi hộp có 36 ống pháo. Số lượng pháo này chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra đã xử lý hành vi của L kèm theo vật chứng bằng quyết định hành chính là đúng quy định của pháp luật.

- Cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy và cho các đối tượng khác sử dụng ma túy tại nơi ở của mình, nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với hai bị cáo là đúng quy định.

- Đối tượng tên Th là người bán ma túy cho bị cáo Ly, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

- Đối với Văn Thị Nguyệt Ng biết mà không tố giác hành vi phạm tội của bị cáo T, hiện Ng đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Ng và các vật chứng, tài sản thu được của Ng để giải quyết bằng một vụ án khác là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Đình L** (tên gọi khác: C) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; bị cáo **Hà Dương Nam T** (tên gọi khác: Tèo) phạm tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 70; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 và điểm b, d khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Đình L** (tên gọi khác: C): **03** (ba) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **02** (hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: **05** (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**18/01/2017**).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 và điểm b, d khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Hà Dương Nam T** (tên gọi khác: Tèo): **03** (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**17/01/2017**).

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c, d khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: **7,256** gam Heroin và (**1,495**gam + **0,300**gam) Methamphetamine; 03 kéo bằng kim loại, 07 quẹt ga, 01 cân tiểu ly, 07 nỏ thủy tinh (trong đó 03 nỏ chưa sử dụng), 05 ống thủy tinh, 01 nắp nhựa màu xanh, 03 ống nhựa, 03 chai nhựa, 02 dao tự chế:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Q-MOBILE màu trắng;

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình L 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen và 01 NOKIA màu xanh đen.

Tất cả các vật chứng trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/8/2017 giữa Cơ quan điều tra và cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

- Tịch thu, giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum tiêu hủy: 01 khẩu súng tự chế bằng kim loại có hộp số tiếp đạn ổ xoay, 02 viên đạn và 01 vỏ đạn bằng kim loại (Có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 11/9/2017 giữa Cơ quan điều tra và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum);

- Buộc bị cáo Hà Dương Nam T nộp lại số tiền: **500.000** (năm trăm nghìn) đồng do bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đình L số tiền: **1.000.000** (một triệu) đồng. Số tiền này hiện đã được Công an thành phố Kon Tum chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1047677.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, theo Giấy nộp tiền vào tài khoản (không số) lập ngày 16/6/2017 giữa Công an thành phố Kon Tum và Phòng giao dịch Kho bạc Nhà nước Kon Tum;

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đình L và bị cáo Hà Dương Nam T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Hai bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2017). Những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp. Kon Tum;
- Công an tp. Kon Tum;
- Chi cục THADS tp. Kon Tum;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hoài